

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói Thầu vật tư, hóa chất, sinh phẩm năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Hồ Thị Thanh – Khoa Dược-Vật tư y tế.

SĐT: 094.811.8784.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Hoặc qua email: dauthauksbtna@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 03/08/2023 đến trước 17h00 ngày 13/08/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13/08/2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư, hóa chất, sinh phẩm: Theo Phụ lục đính kèm

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;



Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hàng hóa: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Dược- VTYT.



Chu Trọng Trang





PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BẢO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 757 /KSBT-KDVT ngày 03/8/2023 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	TRONG TT04					
1	Dung dịch Iod mạnh	Dùng để soi cổ tử cung Lugol 3%. Thành phần: Iod; Kali Iodid	Chai 500ml	Chai	100	
2	Găng phẫu thuật	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiệt trùng bằng khí EO. Găng loại có phủ bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám.	1 đôi/túi giấy, 50 túi giấy/ hộp, 8 hộp/ thùng carton (400 đôi) Gồm các cỡ 6; 6,5; 7,5; 7; 8.	Đôi	40.000	
3	Găng kiểm tra dùng trong y tế	Găng tay y tế có bột, được làm từ mú cao su tự nhiên. Gồm các cỡ: Size XS,S,M,L,XL.	50 đôi/ hộp	Đôi	47.500	
4	Tấm bông vô trùng lấy bệnh phẩm cán nhựa	Chất liệu cán bằng nhựa PP/ABS, đầu bông nylon flocked, chiều dài 150mm,	5 cái/gói	Cái	15.000	
5	Bông hút nước y tế	Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính là Cellulose, Yêu cầu: pH: 5,0 ÷ 8,0, độ ẩm ≤ 8,0, tốc độ hút nước ≤ 10 giây. Quy cách: 1kg/cuộn	Kg	Kg	400	
6	Dung dịch sát khuẩn	Thành phần chính: povidone iodine 10% tương đương với iodine tự do 1%. Giấy đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp. Quy cách: chai 500ml	500ml /chai	chai	332	
7	Acid Acetic CH ₃ COOH	Dùng để soi và khám phụ khoa. Thành phần: acid acetic 3%, màu trắng trong suốt	500 ml/chi	Chai	44	
8	Bơm tiêm liên kim dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa liên kim 3ml, cỡ kim 23G, đầu sắc nhọn. Vô trùng, không chất gây sốt. Đóng gói riêng từng cái., có nắp đậy.	01 cái/ gói	Cái	5.000	
9	Bơm tiêm liên kim dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa liên kim 1ml, cỡ kim 23G, đầu sắc nhọn. Vô trùng, không chất gây sốt. Đóng gói riêng từng cái., có nắp đậy.	01 cái/ gói	Cái	10.000	

efny

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Bơm tiêm sử dụng một lần	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy.	100 cái/ hộp	Cái	23.000	
11	Que đê lưỡi gỗ	Que đê lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh.- Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng.- Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	100 cái/ hộp	Cái	18.400	
12	Cồn 70°	Có nhãn mác trên bao bì sản phẩm. Có Phiếu sang lẻ hàng hóa, niêm phong đơn vị sang lẻ, ghi thời gian sang lẻ.	10 lít/chai	Lít	250	
13	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần: Ethanol 96 %, chất lỏng trong suốt, không có tạp chất lạ, không màu, có mùi vị đặc trưng cho Ethanol. Quy cách : đóng chai 500 ml ; niêm phong; có nhãn mác ghi rõ đầy đủ các thông tin, thời gian sử dụng.	500ml/ chai	Chai	140	
14	Băng dính cá nhân vải Urgo Durable	Thiết kế chống thấm nước, chất liệu: băng vải co giãn đựng trong từng bao riêng, độ dính cao, co giãn tốt, Kích thước 1 cái: 2 x 6cm	102 Cái/ Hộp	Miếng	13.260	
15	Đầu côn trắng (có khóa)	Đầu côn không có lọc 5ul- 300ul, Tiệt trùng, Chất liệu: Nhựa PP, Cân nặng: 0,69g, Kích thước: 8x69mm, có khóa, Màu sắc: Trắng, Mục đích: dùng rửa	1000 cái/túi	Cái	6.000	
16	Đầu côn trắng (nhỏ, có khóa)	Đầu côn không có lọc 0-10ul, Tiệt trùng, Chất liệu: Nhựa PP, Cân nặng: 0,117g, Kích thước: 4x31mm, Màu sắc: trắng Chứng chỉ: CE, ISO 13485, FSC...	1000 Cái/túi	Cái	80.000	
17	Đầu côn vàng (không có khóa)	Đầu côn không có lọc 10-100ul, Làm từ nhựa PP có độ trong suốt cao, Không chứa DNase, RNase, Pyrogen nên phù hợp cho các phân tích cả hóa học, sinh học và sinh học phân tử, Màu sắc: Vàng	1000 Cái/ túi	Cái	10.000	
18	Đầu côn xanh	Đầu côn không có lọc 1000ul, Tiệt trùng, Chất liệu: Nhựa PP, Cân nặng: 0,69g, Kích thước: 8x69mm, Màu sắc: Xanh	500 cái/ Túi	Cái	6.000	
19	Kim cánh bướm (B/BRAUN 23G)	Đầu kim 3 mặt vát được trán 1 lớp silicon, làm bằng hợp kim Crôm-Nikel Chiều dài kim 20 mm, đường kính kim 0.65 mm, tốc độ dòng chảy 11 ml/ phút Dây nối 30cm, không có chất phụ gia DEHP , thay thế bằng DEHT an toàn Có đầu khóa Luer	50 chiếc/ hộp	Chiếc	600	
20	La men	Băng thủy tinh, trong suốt, hình vuông rộng 22mm x 22mm, dày 0,17mm	1000 cái / hộp	hộp	12.000	

Amg

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	Lam kính	Bảng thủy tinh, trong suốt, không mốc, không xước, loại nhám Dày 1-1,2mm, KT 24mm x 76,2 mm	72 cái/ hộp, thùng 50 hộp	Hộp	544	
22	Ống chứa máu kháng đông EDTA - K2	Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy bệnh phẩm Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông EDTA-K2	100 ống / giá	Cái	33.000	
23	Ống chứa máu kháng đông Heparin	Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy mẫu Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông Heparin, nắp màu đen	100 Cái/Hộp	Cái	8.500	
24	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1,5ml nắp trắng (ống Eppendorf)	Ống nghiệm làm bằng nhựa PP, có nắp đậy liền thân. Có vạch chia thể tích 1,5 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	0,5ml/ống; 500 Ống/Túi	Ống	25.000	
25	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 2 ml nắp trắng	Ống nghiệm làm bằng nhựa. Thể tích 2 ml.	100 ống/ túi	ống	300	
26	Ống nghiệm Serum hạt nhựa	Ống nhựa PP; nắp màu đỏ Thể tích: 5ml Hóa chất: Blood clotting activator (BCA) và hạt nhựa Polystyren hình khối hoặc hình bi	100 ống / giá	Cái	12.000	
27	Ống nghiệm thủy tinh	Đường kính nhân chiều cao 1,5 cm x 12 cm	1000 Ống / Thùng	ống	12.000	
28	Ống nghiệm thủy tinh	Đường kính nhân chiều cao 1cm x 7cm	1000 ống / Thùng	Ống	10.000	
29	Que phết đờm	Chất liệu: Que gỗ - Gòn Đặc điểm: Thân que bằng gỗ, một đầu gòn, đựng trong ống nghiệm có nhãn, tiệt trùng, dài 15 cm	1 que/ hộp; 100 hộp/túi	Que	1.000	
II	NGOÀI TT 04					
30	Viên nén khử khuẩn bề mặt, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế	Thành phần: Troclosene Sodium (50% DICHLOR-ISOCYANURATE NATRI). Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH Acid. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải Quy cách: 2,5g/ viên, Hộp : 100 viên	100 viên/ hộp	Viên	10.000	

đang

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
31	Giấy đo CNHH+ SÂ UPP - 110S	Kích thước 110mm x 20m. Tiêu chuẩn: ISO 13485(1cuộn/túi)	hộp 10 cuộn	cuộn	200	
32	Giấy in kết quả xét nghiệm nước tiểu	Màu sắc: Màu trắng, Hình thức: Dạng cuộn, giấy in nhiệt chủ yếu dùng trong y tế 57x45mm	hộp 10 cuộn	cuộn	150	
33	Giấy in KQ điện tim 3 cân	Giấy in nhiệt có kẻ ô, kích thước 63 mm x 30m	hộp 10 cuộn	cuộn	20	
34	Ống thổi đo CNHH	Ống làm bằng chất liệu giấy dùng 1 lần, đường kính 30 mm, dài 63 mm tương thích với máy đo CNHH Spirolab MIR-ITALY	hộp 100 cái	cái	6.000	
35	Chai thủy tinh miệng rộng nút mài 250ml	Thủy tinh trong suốt, miệng rộng, nút mài loại thể tích 250ml	13 chai/hộp	Chai	250	
36	Chai thủy tinh miệng rộng nút mài 500ml	Thủy tinh trong suốt, miệng rộng, nút mài loại thể tích 500ml	12 chai/hộp	Chai	350	
37	Đĩa Petri nhựa Ø90	Nhựa PS trắng trong, gồm hai đĩa nhựa lồng vào nhau, độ pH trung tính. * Đường kính 90 mm, chiều cao 15 mm * Tiệt trùng bằng tia Gamma. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	500 cái/ Thùng	Cái	4.500	
38	Màng lọc Cellulose acetat dùng cho HPLC	Thành phần: cellulose nitrate (cellulose hỗn hợp ester), cellulose acetate hoặc cellulose tái sinh. Màn lọc Filter Cellulose Nitrate 47mm Kích thước lỗ lọc: 0.45µm	100 cái/hộp	Cái	3.000	
39	Màng lọc Cellulose acetat dùng cho HPLC	Thành phần: cellulose nitrate (cellulose hỗn hợp ester), cellulose acetate hoặc cellulose tái sinh. Màn lọc Filter Cellulose Nitrate 47mm Kích thước lỗ lọc: 0.2µm	100 cái/hộp	Cái	1.000	
40	Túi ủ kỵ khí Anaero/ AnaeroPack CO2	Thành phần chính: acid ascorbic (Vitamin C) Kích thước: 2,5l: W135 x L197 x H95 (mm)	10 túi /Gói	Túi	200	
41	Bao cao su	Bao cao su chất lượng cao đã được bôi trơn, không gây dị ứng và độc hại.	144cái/ hộp	Hộp	100	

28/09

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
42	Test nhanh chẩn đoán thai sớm	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu - Mẫu thử: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL - Bảo quản nhiệt độ thường	100 tests/hộp	Test	2.480	
43	Onsite Dengue Ag Rapid Test	Vùng cộng hợp: kháng thể chuột kháng Dengue Ag; Vạch kết quả: kháng thể thô kháng Dengue Ag; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG chuột.	25 test/hộp	Test	250	
44	Onsite Dengue IgG/IgM Combo Rapid Test	Vùng cộng hợp: kháng nguyên Dengue (A2302) tái tổ hợp, kháng nguyên Dengue (A2313) tái tổ hợp & IgG thô; Vạch kết quả M: kháng thể chuột kháng IgM người; - Vạch kết quả G: kháng thể chuột kháng IgG người; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG thô.	30 test/ hộp	test	250	
45	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Viêm não Nhật Bản	1. Thành phần: Kit phát hiện IgM kháng Vi rút Viêm não Nhật Bản Thành phần: + Coated Microtiter Strips for Human IgM + Sample Dilution Buffer for IgM Type A + JE Negative Control + JE IgM Positive Control + Ready to Use JE Antigen (JERA) for IgM + Ready to Use Normal Cell Antigen (NCA) for JE IgM + Ready to Use Enzyme Conjugate-HRP for JE IgM + 10X Wash Buffer + EnWash + Liquid TMB Substrate + Stop Solution 2. Bảo quản : -10 ≥ - 40 độ C 3	96 test/hộp	Test	384	
46	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	18L/ Can	Can	72	
47	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	500ml/ Can	Can	35	

2/10/2023

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
48	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	5L/ Can	Can	18	
49	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit	5L/ Can	Can	6	
50	Hóa chất nội kiểm mức thường dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	2 mL/ Lọ	Lọ	12	
51	Que thử đường huyết	Đi kèm theo máy đo đường huyết. CHÚNG LOẠI: CareSens N	Hộp 25 que hoặc 50 que dạng lọ hoặc vỉ rời	Que	33.130	
52	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HEV	Vùng cộng hợp: kháng nguyên HEV tái tổ hợp & IgG thô; Vạch kết quả: kháng thể chuột kháng IgM người; Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG thô.	30 test/ hộp	Test	210	
53	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HAV	Vùng cộng hợp: kháng thể chuột kháng IgG người; - Vạch kết quả: kháng nguyên HAV tái tổ hợp; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG chuột.	30 test/ hộp	Test	210	

Amg

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
54	Test nhanh phát hiện kháng thể virus HIV	phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. - Độ nhạy: 99.78% với mẫu huyết tương, 99.84% với mẫu huyết thanh, 99.01% với mẫu máu toàn phần tĩnh mạch, 100% với mẫu máu toàn phần mao mạch - Độ đặc hiệu: 100% với mẫu huyết tương và máu toàn phần, 99.92% với mẫu huyết thanh. Vạch thử T1: protein tái tổ hợp gp41 của HIV-1, gp41 của HIV-1 phân nhóm O; Vạch thử T2: gp36 của HIV-2; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng IgY gà; Đệm liên hợp: cộng hợp gp41 của HIV-1 keo vàng/gp41 của HIV-1 phân nhóm O keo vàng; gp36 của HIV-2 keo vàng, Bảo quản: 2-40oC Nằm trong danh sách WHO PQ. Giới hạn phát hiện: Kháng thể kháng HIV-1:11.88 (S/CO) ở độ pha loãng 2¹², kháng thể kháng HIV-2:102.6 S/CO ở độ pha loãng 2¹⁰, kháng thể kháng HIV-1 nhóm phụ O: 154.5S/CO ở độ pha loãng 2⁷	Hộp 25 xét nghiệm	Test	1.000	
55	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1 trên hệ thống máy sinh hóa tự động Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	1x5ml	Lọ	5	
56	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2 trên hệ thống máy sinh hóa tự động. Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	1x5ml	Lọ	5	
57	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy trên hệ thống máy sinh hóa tự động Thành phần ít nhất bao gồm: Huyết thanh người và các chất phân tích Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, HBDH, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Total Protein, Triglyceride, UIBC, Urea, Uric Acid, Bilirubin, Inorganic Phosphorous, Calcium, Iron, Magnesium Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	1x5ml	Lọ	5	

2/07

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
58	Định lượng Triglycerid	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ $\leq 0,1 - \geq 11,3$ mmol/L (Từ $\leq 10 - \geq 1.000$ mg/dL) Độ lặp lại: CV $\leq 1,06\%$; Độ chum toàn phần: CV $\leq 1,76\%$ Số test thực hiện được: ≥ 7 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	4x20ml+4x5ml	Hộp	2	
59	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ ALT trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ $\leq 3 - \geq 500$ U/L (Từ $\leq 0,05 - \geq 8,33$ μ kat/L) Độ lặp lại: CV $\leq 2,1\%$; Độ chum toàn phần: CV $\leq 2,7\%$ Số test thực hiện được: ≥ 6 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	4x50ml+4x25ml	Hộp	2	
60	Đo hoạt độ AST (GOT)	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ AST trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ $\leq 3 - \geq 1.000$ U/L (Từ $\leq 0,05 - \geq 16,7$ μ kat/L) Độ lặp lại: CV $\leq 1,9\%$; Độ chum toàn phần: CV $\leq 2,9\%$ Số test thực hiện được: ≥ 9 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	4x25ml+4x25ml	Hộp	2	
61	Định lượng Ure	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urê trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: + Huyết thanh, huyết tương: Từ $\leq 5 - \geq 300$ mg/dL (Từ $\leq 0,8 - \geq 50,0$ mmol/L) + Nước tiểu: Từ $\leq 60 - \geq 4500$ mg/dL (Từ $\leq 10 - \geq 750$ mmol/L) Độ lặp lại: CV $\leq 2,28\%$; Độ chum toàn phần: CV $\leq 3,41\%$ Số test thực hiện được: ≥ 9 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	4x25ml+4x25ml	Hộp	2	
62	Định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine trên hệ thống máy sinh hóa tự động khoảng tuyến tính: + Huyết thanh/ huyết tương: Từ $\leq 5 - \geq 2.200$ μ mol/L (Từ $\leq 0,06 - \geq 25,0$ mg/dL) + Nước tiểu: Từ $\leq 88 - \geq 35.360$ μ mol/L (Từ $\leq 1 - \geq 400$ mg/dL) Độ lặp lại: CV $\leq 1,12\%$; Độ chum toàn phần: CV $\leq 2,48\%$ Số test thực hiện được: ≥ 4 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	4x51ml+4x51ml	Hộp	2	

Amg

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
63	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ $\leq 0,26$ - $\geq 10,3$ mmol/L (Từ ≤ 10 - ≥ 400 mg/dL) Độ lặp lại: CV $\leq 2,26\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 2,71\%$ Số test thực hiện được: ≥ 4 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	4x27ml+4x9ml	Hộp	1	
64	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ $\leq 0,05$ - $\geq 4,65$ mmol/L (Từ ≤ 2 - ≥ 180 mg/dL) Độ lặp lại: CV $\leq 0,85\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 1,92\%$ Số test thực hiện được: ≥ 4 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	4x27ml+4x9ml	Hộp	1	
65	Định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Peroxidase ≥ 10 kU/L (166,7 μ kat/L) Phương pháp: Enzymatic Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương (chất chống đông: Heparin, EDTA) Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test Dải tuyến tính: 0,5 – 18,0 mmol/L (20 – 700 mg/dL) CV $\leq 3\%$	4x45ml	Hộp	2	
66	Chất tẩy kiềm mạnh để loại bỏ các chất phản ứng trên máy Sysmex	Thành phần: Sodium Hypochlorite (nồng độ chlorine 5,0%)	20x4ml/ Hộp	Hộp	4	
67	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học	Thành phần: Sodium chloride 0,7%; Tris buffer 0,2%; EDTA-2K 0,02% Đạt ISO 13485	1x20L/ Hộp	Hộp	33	
68	Hóa chất ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,07%; Nonionic surfactant 0,17% Đạt ISO 13485	1x5L/ Hộp	Hộp	6	
69	Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố	Thành phần: Sodium Lauryl Sulfat 1,7g/L Đạt ISO 13485	3x500ml/ Hộp	Hộp	13	

Chữ ký

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
70	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu	Thành phần: Polymethine 0,002%; methanol 3,0%; Ethylene Glycol 96,9% Đạt ISO 13485	2x42ml/ hộp	Hộp	8	
71	Chất chuẩn máy xét nghiệm Huyết học 29 thông số mức 1	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu, và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản	1x3ml/lọ	Lọ	4	
72	Chất chuẩn máy xét nghiệm Huyết học 29 thông số mức 2	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu, và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản	1x3ml/lọ	Lọ	4	
73	Chất chuẩn máy xét nghiệm Huyết học 29 thông số mức 3	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu, và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản	1x3ml/lọ	Lọ	4	
74	Hóa chất định lượng nồng độ AST/GOT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thành Phần: Tris buffer (pH 7,8) 110 mmol/l L-aspartic acid 340 mmol/l LDH ≥ 4000 U/l MDH ≥ 750 U/l CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol/l NADH 1,05 mmol/l.	R1:6x44ml, R2: 6x11ml	Hộp	7	
75	Hóa chất định lượng nồng độ ALT/GPT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thành phần: Tris buffer (pH 7,5) 137,5 mmol/l L-Alanine 709 mmol/l LDH (microbial) ≥ 2000 U/l CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol/l NADH 1,05 mmol/l.	R1:6x44 ml, R2: 6x11 ml	Hộp	7	
76	Hóa chất xét nghiệm Creatinine sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thành phần: Picric Acid: 26mmol/l; Sodium Hydroxide: 240 mmol/l.	R1:5x44ml, R2: 5x11ml	Hộp	7	

Đang

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
77	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Là chất hiệu chuẩn (chứa huyết thanh) được sử dụng cùng với các thuốc thử trên máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.	Lọ 5ml x 5	Hộp	1	
78	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.	Lọ 5ml x 5	Hộp	1	
79	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động	Concentrated washing solution là dung dịch rửa dùng cho các máy phân tích sinh hóa của hãng BioSystems.	chai 100ml	Chai	10	
80	ELISA Fasciola IgG	Bộ xét nghiệm Fasciola IgG phát hiện kháng thể sán lá gan lớn trong huyết thanh người Thành phần: Đĩa ELISA 96 giếng, Liên Hợp Enzyme, Đối chứng dương, Đối chứng âm, Chất tạo màu, Wash Concentrate (20X), Dung dịch đệm pha loãng, Stop Solution, Fasciola Serology Microwell ELISA Kit. Tổng thời gian ủ: 20 phút; Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, Giấy phép lưu hành sản phẩm	96 Test/Hộp	Hộp	85	
81	ELISA Strongyloides IgG	Bộ xét nghiệm Strongyloides IgG phát hiện kháng thể Strongyloides IgG trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần, Đĩa ELISA gồm 96 giếng, Enzyme Conjugate, Đối chứng dương, Đối chứng Âm, Chromogen, Dung dịch rửa cô đặc (20X), Đệm pha loãng, Dung dịch dùng, Bộ kit ELISA giun lươn IgG Tổng thời gian ủ: 20 phút Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% Bảo quản ở 2-8 ° C; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, Giấy phép lưu hành sản phẩm	96 Test/Hộp	Hộp	80	

Chung

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
82	ELISA Toxocara IgG	Bộ xét nghiệm Fasciola IgG phát hiện kháng thể giun đũa chó mèo trong huyết thanh người Thành phần: Đĩa ELISA 96 giếng, Liên Hợp Enzyme, Đối chứng dương, Đối chứng âm, Chất tạo màu, Wash Concentrate (20X), Dung dịch đệm pha loãng, Stop Solution, Fasciola Serology Microwell ELISA Kit. Tổng thời gian ủ: 20 phút; Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, Giấy phép lưu hành sản phẩm	96 Test/Hộp	Hộp	150	
83	Xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV ở người	Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu 99,75%, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương , Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. - Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody,Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen,(pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O,Antigen,(PjC100)HIV-2, Antigen,(pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen.	100 test/hộp	Test	300	
84	Hoá chất đếm tế bào CD4	Thành phần: gồm 2 cặp ống với 4 nồng độ hạt bead: - Ống có phần trên màu vàng: không có bead - Ống có phần trên màu đỏ: nồng độ hạt bead thấp ~50 beads/ μ L - Ống có phần trên màu xanh : nồng độ hạt bead trung bình ~250 beads/ μ L - Ống có phần trên màu tím: nồng độ hạt bead cao~1,000 beads/ μ L	50test/hộp	Hộp	21	
85	Dung dịch tráng dùng cho máy đếm tế bào CD4	Thành phần: 50 ống thuốc thử chứa CD4 clone SK3 gắn màu PE/ CD14 MφP9 gắn màu PE-Cy5/CD15 clone MMA gắn màu PE-Cy5, 65 nắp ống và một lọ 5mL dung dịch cố định 5% formaldehyde trong phosphate-buffered saline (PBS)	5l/thùng	Thùng	1	
86	Hoá chất đối chứng CD4	Thành phần: có Sodium fluoride.	25test/hộp	Hộp	1	
87	Dung dịch rửa dùng cho máy đếm tế bào CD4	Thành phần: Nước (pha loãng) Acid hypochlorơ (làm sạch), muối Natri (1:1): 1% Natri hydroxide (0,8%) (cân bằng pH)	5l/thùng	Thùng	1	

ctm

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
88	Dung dịch đệm	Thành phần có chứa nước và các dung môi hữu cơ	20l/thùng	Thùng	2	
89	Gen Star sonog	Phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không gây bỏng quần áo, không gây hại đầu dò. Không có Formaldehyde. Vô khuẩn và không gây mẫn cảm hoặc rát da, niêm mạc.	1 thùng x 4 can x 5l	Thùng	25	
90	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu AB	Thuốc thử xét nghiệm An ti AB Dung dịch màu trắng	10ML /Lọ	Lọ	3	
91	Dung dịch nhuộm gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranin chai 100ml.	4 chai x 500ml	bộ	6	
92	Que thử nước tiểu 10 thông số	Xét nghiệm 10 thông số cơ bản của nước tiểu: Máu, đường, Bilirubin, pH, Protein, Ketone, Urobilinogen, Nitrit, Bạch cầu, tỉ trọng. Trên thanh thử có miếng dán kiểm tra (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động.	100 test/ hộp	Test	26.000	
93	Test phát hiện Chlamydia	Phát hiện kháng nguyên Chlamydia trong mẫu chồi tế bào, tăm bông dịch cổ tử cung. Độ nhạy $\geq 93.1\%$; Độ đặc hiệu $\geq 98.8\%$ Test xét nghiệm gồm 1 lọ dung dịch tách chiết A. 1 lọ dung dịch trung hòa B. Test xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $55 \pm 1^\circ\text{C}$. Giới hạn phát hiện: $19.7 \mu\text{g/ml}$. Hạn dùng lớn hơn hoặc bằng 18 tháng.	25 Test/ hộp	Test	2.000	
94	Test phát hiện giang mai	Test nhanh chẩn đoán giang mai Treponema pallidum (TP) trên mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Thành phần : anti-human immunoglobulins cộng hợp chất nhuộm và protein tái tổ hợp TP đặc hiệu với kháng thể giang mai; test gồm khay thử, dung dịch pha loãng chứa đệm muối, dung dịch rửa, sodium azide ($<1\%$), pipet dùng một lần. Bảo quản ở $4-30$	100 test /hộp	Test	1.500	
95	Test Clo dư	Dải nồng độ: $0.02 - 2.00 \text{ mg/L Cl}_2$.	100gói/ hộp $0,12\text{g/gói}$	Hộp	9	

rdm

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
96	RF Absorbent (Dung dịch hạn chế dương tính giả do yếu tố dạng thấp)	RF Absorbent được dùng để loại bỏ các yếu tố viêm khớp dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy(CSF), là bước ban đầu trong việc xác định sự hiện diện của kháng thể đặc hiệu IgM trong các xét nghiệm miễn dịch gián tiếp	20 ml/ lọ	lọ	5	
97	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút sởi	Phải dùng dùng Rf-Absorbent xử lý mẫu: Ủ 15 phút ở nhiệt độ phòng hoặc qua đêm ở 4°C, Tổng thời gian ủ trong quy trình: 120 phút, Đọc kết quả ở bước sóng 405nm, độ nhạy: $\geq 98,9\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$	96 test/hộp	Hộp	3	

Ưng

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa:

STT	Tên hàng hóa ⁽²⁾	Tiêu chuẩn kỹ thuật ⁽³⁾	Quy cách (nếu có) ⁽⁴⁾	Đơn vị tính ⁽⁵⁾	Số lượng ⁽⁶⁾	Đơn giá (VND) ⁽⁷⁾	Các chi phí liên quan ⁽⁸⁾	Thành tiền (VND) ⁽⁹⁾
1	Hàng hóa 1							
2	Hàng hóa 2							
n	...							

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp⁽¹⁰⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2), (3), (4), (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi theo đúng yêu cầu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị đơn giá tương ứng với từng mặt hàng hóa

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể chi phí liên quan ứng với từng mặt hàng hóa

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thành tiền tương ứng với từng mặt hàng hóa

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố kết thúc tại thời điểm nhận báo giá

(10) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường

hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.